

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/HS-ST

Ngày: 24-12-2024

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Văn ThA

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu H- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2024/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HS ngày 12/12/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 tại Bình Dương.

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 2, xã Minh D, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Rua (đã chết) và bà Trần Thị Tư (đã chết), bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Liêu, sinh năm 1973, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Nguyễn Công D, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp Đồng Dầu, xã Minh D, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

- Người có quyền lợi N vụ L quan:

1. Vũ D M, sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 2, xã Minh D, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

2. Nguyễn Phúc K, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hiệp S, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Chà Lon, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt).

3. Lê Ngọc Tuấn A, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 2, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

4. H L A Tuấn, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp: Bà L Thị T, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Chà Lon, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

5. Phương Hoài P, sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phương Văn N, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Đồng Dầu, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

6. Nguyễn Minh H, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị ThA T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 1B, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

7. Vũ Nhật A D, sinh năm 2013.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Minh H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 1A, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

8. Nguyễn Hải Đăng, sinh năm 2010 và Nguyễn Hải L, sinh năm 2007.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn ThA T, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1B, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

9. Phạm Hữu N, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1B, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

10. Nguyễn Hữu Trí N, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1B, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 3/2024, Vũ D M, sinh ngày 25/11/2008 phát hiện xưởng cưa của ông Nguyễn Công D tại tổ 5, ấp Đồng Dầu, xã Minh D bỏ hoang, không có hàng rào, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, M rủ một số bạn học cùng lớp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xưởng cưa của ông D như sau:

Lần 1: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/3/2024, M rủ bạn là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 06/8/2010 và Lê Ngọc Tuấn A, sinh ngày 06/5/2010 cùng đi đến xưởng cưa của ông D trộm cắp tài sản thì K và Tuấn A đồng ý. Sau đó, M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92, K điều khiển xe đạp điện chở Tuấn A đi vào xưởng cưa của ông D, lén lút lấy trộm 01 bình ắc quy màu đen, phía trước có ghi chữ “Dongnai” có trọng lượng 20,2kg và 06 kg sắt đem đến tiệm thu mua ve chai của bà Nguyễn Thị H tại ấp 2, xã Minh D để bán. Khi đến nơi, do tiệm đóng cửa nên nhóm M, K, Tuấn A đã đem đi bán cho A Đình Quang Cường với giá 200.000 đồng, bán sắt cho bà Nguyễn Thị Hồng gần đó với giá 35.000đ. Số tiền bán tài sản trộm cắp được M chia đều mỗi người 70.000 đồng, còn lại 25.000đ cả nhóm mua nước uống.

Lần 2: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/3/2024, Tuấn A và M rủ thêm H L A Tuấn, sinh ngày 04/9/2010 tiếp tục đi vào xưởng cưa của ông D để trộm cắp tài sản. M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92, Tuấn điều khiển xe đạp điện màu đen chở theo Tuấn A đi đến xưởng cưa của ông D. Nhóm Tuấn A, M, Tuấn đã lấy trộm 01 bình ắc quy màu xA – đen, trọng lượng 13,8kg và đem đến tiệm thu mua ve chai của bà Nguyễn Thị H bán với giá 252.000 đồng. Sau đó, cả ba cùng đi uống nước, số tiền còn lại sau đó chia đều mỗi người 75.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/3/2024, Tuấn chở Tuấn A bằng xe đạp điện đi chơi, trên đường đi gặp bạn là Phạm Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 18/6/2010 và H Dương Mỹ A, sinh năm 2010, Tuấn A rủ Trang và Mỹ A cùng đi. Khi đến đầu đoạn đường bê tông hướng vào xưởng cưa thì Tuấn A và Tuấn bảo Trang và Mỹ A đứng ngoài, còn Tuấn A và Tuấn đi vào trong lấy trộm 01 mô tơ trọng lượng 18kg, Tuấn cởi áo che lại mô tơ điện, cả nhóm cùng đi đến tiệm ve chai của bà H bán với giá 190.000 đồng. Tuấn A và Tuấn chia nhau mỗi người 80.000 đồng, số tiền còn lại cả nhóm mua nước uống.

Lần 4: Khoảng 12 giờ ngày 24/3/2024, M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92 chở Tuấn A vào xưởng cưa của ông D lấy trộm 01 cục máy mô tơ trọng lượng 64kg và đem đến tiệm ve chai của bà H bán với giá 663.000 đồng. Sau khi bán xong, cả hai cùng nhau đi uống nước, số tiền còn lại chia đều mỗi người 320.000 đồng.

Lần 5: Khoảng 12 giờ ngày 25/3/2024, Tuấn điều khiển xe đạp điện màu đen chở Tuấn A đi đến xưởng cưa của ông D và lén lút lấy trộm 01 mô tơ trọng lượng 17,6kg và đem đến tiệm ve chai của bà H bán với giá 190.000 đồng. Sau khi bán xong, cả hai cùng nhau đi uống nước, số tiền còn lại chia đều mỗi người 80.000 đồng.

Lần 6: Khoảng 13 giờ ngày 25/3/2024, Tuấn A rủ Phương Hoài P, sinh ngày 20/9/2010, Nguyễn Minh H, sinh ngày 01/3/2010 đi đến xưởng cưa của ông D để trộm cắp tài sản thì P và H đồng ý. P điều khiển xe mô tô biển số 93R1-3943 chở Tuấn A ngồi sau, H điều khiển xe mô tô biển số 93EA-021.41 cùng đi đến xưởng cưa của ông D. Tại đây, cả nhóm lấy trộm được 01 (một) cục máy mô tô trọng lượng 40,6kg và 01 cục mô tơ trọng lượng 17,2kg đem đến tiệm ve chai của bà H bán với giá 670.000 đồng. Sau khi bán xong, cả nhóm cùng nhau đi uống nước, số tiền còn lại chia đều mỗi người 220.000 đồng.

Lần 7: Khoảng 14 giờ 30 ngày 25/3/2024, nhóm Tuấn A, P, H tiếp tục rủ thêm M đi cùng. P điều khiển xe mô tô biển số 93R1-3943 chở H ngồi sau, M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92 chở Tuấn A ngồi sau để cùng đi đến xưởng của ông D. Tại đây, cả nhóm đã lấy trộm 01 mô tơ trọng lượng 41,4kg, 03 mô tô nhỏ, trọng lượng mỗi mô tơ nhỏ từ 17-17,8kg và đem đến tiệm ve chai của bà H bán với giá 1.067.000 đồng. Sau khi bán xong, cả nhóm cùng nhau đi uống nước, số tiền còn lại chia đều mỗi người 260.000 đồng.

Lần 8: Khoảng 15 giờ ngày 25/3/2024, Tuấn A và M rủ Vũ Nhật A D, sinh ngày 06/5/2013 cùng đi đến xưởng cưa của ông D để trộm cắp tài sản thì D đồng ý. M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92 chở Tuấn A, D một mình điều khiển xe đạp đi phía sau để cùng đến xưởng cưa của ông D. Nhóm Tuấn A, M, D đã lấy 04 mô tơ nhỏ, mỗi mô tơ trọng lượng khoảng 17kg và bán cho bà H với giá 750.000đ. Số tiền này Tuấn A lấy 350.000đ, chia cho M 350.000đ và đưa cho D 50.000đ.

Lần 9: Khoảng 13 giờ ngày 26/3/2024, M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92 chở Tuấn A ngồi sau, K một mình điều khiển xe đạp điện của K đi đến xưởng cưa của ông D. Trên đường đi thì gặp Phạm Hữu N, sinh ngày 23/8/2010 và Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 09/4/2010. Tuấn A, M, K rủ N và Đăng cùng đi đến xưởng cưa của ông D trộm cắp tài sản thì N, Đăng đồng ý. Khi đến nơi, Đăng và N đứng ngoài đường bê tông chờ còn Tuấn A, M, K lấy trộm 01 cục mô tơ trọng lượng 43,6kg, 01 cục mô tơ trọng lượng 49,6kg và 04 cục mô tơ nhỏ, mỗi cục trọng lượng từ 17-18kg rồi khiêng để lên xe mô tô của M và xe đạp điện của K. Sau đó cả nhóm đem đến tiệm ve chai của bà H. Bà H trả tổng số tiền là 1.749.000 đồng. Sau khi bán xong, số tiền này Tuấn A, M, K mỗi người được chia 560.000đ, còn lại 69.000đ cả nhóm cùng nhau đi uống nước.

Lần 10: Sau khi thấy Tuấn A và các bạn cùng lớp đi lấy trộm mô tơ điện bán được nhiều tiền thì N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N rủ Đăng, Nguyễn Hữu Trí N, sinh ngày 15/01/2010; Nguyễn Hải L, sinh ngày 02/11/2007 cùng đi đến xưởng cưa của ông D để trộm cắp tài sản thì N, Đăng, L đồng ý.

Khoảng 13 giờ 30 ngày 26/3/2024, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DH màu đỏ, biển số 93H1-5168 chở Đăng ngồi sau, N một mình điều khiển xe đạp điện màu

xA, N một mình điều khiển xe đạp điện màu đỏ - đen cùng đi đến xưởng cưa của ông D. Cả nhóm lấy được 01 cục mô tơ có gắn quạt, trọng lượng 25kg, 02 cục mô tơ nhỏ mỗi cục trọng lượng 08kg và đem đến tiệm ve chai của bà H. Tại đây, bà H trả cho Đăng 340.000 đồng. Đăng lấy 100.000đ, chia cho L 100.000đ, N và N mỗi người được 50.000 đồng, còn lại 40.000đ Đăng dùng để đổ xăng vào xe mô tô nhãn hiệu DH.

Lần 11: Khoảng 14 giờ ngày 26/3/2024, P và H cùng rủ nhau đến xưởng cưa của ông D để trộm cắp tài sản. P điều khiển xe mô tô biển số 93R1-3943 của mình chở H ngồi sau đi đến xưởng cưa của ông D. Tại đây, P và H lấy trộm được 01 mô tơ trọng lượng 44kg và 01 mô tơ nhỏ, trọng lượng 07kg. Khi đến nơi, bà H tính tiền và đưa cho P và H số tiền 520.000đ, P và H chia đều mỗi người được 260.000đ.

Lần 12: Khoảng 19 giờ ngày 26/3/2024, Tuấn A, D, M tiếp tục đến xưởng cưa của ông D trộm cắp tài sản. M điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93G1-435.92 chở Tuấn A ngồi sau còn D một mình điều khiển xe đạp đi theo phía sau cùng đến xưởng cưa của ông D. Khi đến nơi, cả nhóm đã cắt dây điện, tháo rời được 01 cục mô tơ lớn, trọng lượng 120kg. Tuy nhiên do mô tơ quá nặng nên nhóm Tuấn A đã không lấy được và bỏ về.

Khoảng 07 giờ ngày 27/3/2024, ông Nguyễn Công D đi xuống xưởng cưa thì phát hiện bị mất 24 mô tơ điện, 02 bình ắc quy và 06kg sắt nên đã nói sự việc trên cho chị Nguyễn Thị Hồng Diệu (vợ ông D) biết.

Khi biết N trộm cắp tài sản của ông D đi bán được nhiều tiền nên vào khoảng 14 giờ chiều ngày 27/3/2024, Nguyễn Phạm Minh H, sinh ngày 28/11/2010 rủ Nguyễn Hữu Trí N, sinh ngày 15/01/2010 đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì N đồng ý. N điều khiển xe đạp điện chở H đi đến xưởng cưa của ông D nhưng chưa kịp lấy trộm tài sản thì bị chị Diệu phát hiện.

Ngày 28/3/2024, ông D đã đến Công an xã Minh D trình báo sự việc trên, Công an xã Minh D tiến hành xác minh tin báo và chuyển hồ sơ đến Công an huyện Hớn Quản để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hớn Quản xác định tổng số tài sản mà các đối tượng chiếm đoạt và bán cho bà H trị giá 9.830.263 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

Thu giữ: 24 cục mô tơ và 02 bình ắc quy bao gồm:

- 01 cái mô tơ điện màu đen, trên thân có chữ Panasonic đã qua sử dụng có trọng lượng 07kg (ký hiệu 01).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng có trọng lượng 43kg. Một đầu trục quay gắn 6 con bù lon, trên thân ốp lưới bảo vệ có chữ nước ngoài màu đen nền màu trắng (ký hiệu 02).

- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng có trọng lượng 49,6kg. Thân máy có nhãn hiệu HITACHI, đầu ộp gắn dây điện bị bung hỏng, dây điện dài 93cm (ký hiệu 03).
- 01 cái mô tơ điện màu xA nhạt đã qua sử dụng, một đầu có lưới bảo vệ, một đầu có gắn bánh lăn culoa; một đầu dây điện dài 90cm, phần thân có chữ SUPER LINE có trọng lượng 43,6kg (ký hiệu 04).
- 01 cái mô tơ điện không rõ màu sắc, thân máy có nhãn hiệu HITACHI, một đầu gắn ộp bảo vệ dây điện còn nguyên, dây dài 70cm, đã qua sử dụng có trọng lượng 41,4kg (ký hiệu 05).
- 01 cái mô tơ điện cũ đã qua sử dụng, một đầu gắn ộp lưới bảo vệ màu xA rêu, một đầu có gắn cánh quạt bằng sắt, số 2735, có trọng lượng 25kg (ký hiệu 06).
- 01 cái mô tơ điện cũ đã qua sử dụng, một đầu có gắn trục quay dây cu loa 1 rãnh, có trọng lượng 08kg (ký hiệu 07).
- 01 cái mô tơ điện cũ, đã qua sử dụng, một đầu có gắn trục quay dây cu loa 2 rãnh có trọng lượng 08kg (ký hiệu 08).
- 01 cái mô tơ điện màu xA đen, thân máy có chữ LA, một đầu có lưới bảo vệ hình ô vuông, đã qua sử dụng, có trọng lượng 18,8kg (ký hiệu 09).
- 01 cái mô tơ điện đã qua sử dụng, một đầu có lưới bảo vệ, thân máy có số 1989, có trọng lượng 18kg (ký hiệu 10).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 2728, có ba lõi dây điện màu đỏ dài 10cm, có trọng lượng 17,2kg (ký hiệu 11).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 1191 có trọng lượng 17kg (ký hiệu 12).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 2816, có trọng lượng 17,6kg (ký hiệu 13).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 295 có trọng lượng 17,8kg (ký hiệu 14).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 2967, có trọng lượng 17,6kg (ký hiệu 15).
- 01 mô tơ điện, đã qua sử dụng, có một đầu nối dây điện dài 39cm, thân máy có số 1167, có trọng lượng 17kg (ký hiệu 16).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 2547, có trọng lượng 17,2kg (ký hiệu 17).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 2871, có trọng lượng 17,2kg (ký hiệu 18).
- 01 cái mô tơ điện, đã qua sử dụng, thân máy có số 2830, có trọng lượng 17,4kg (ký hiệu 19).
- 01 cái bình ắc quy màu đen đã qua sử dụng, bên hông có chữ GS màu trắng trên nền màu xA, trọng lượng 13,8kg (ký hiệu 20).

- 01 bình ắc quy màu đen đã qua sử dụng, bên ngoài có ghi dòng chữ “Dongai”, loại 12V-75Ah, có trọng lượng 20,2kg (ký hiệu 21).

- 01 cục máy mô tơ đã qua sử dụng, có trọng lượng 40,6kg. Một đầu có gắn lưới bảo vệ, đầu còn lại có trục quay, gắn dây điện dài 98cm, trên thân máy có chữ SUPER LINE (ký hiệu 22).

- 01 cục máy mô tơ hình trụ tròn đã qua sử dụng, trên thân có số 2723, có trọng lượng 17kg (ký hiệu 23).

- 01 cục máy mô tơ điện đã qua sử dụng, trên thân có số 2843, có trọng lượng 18kg (ký hiệu 24).

- 01 cục máy mô tơ điện đã qua sử dụng, trên thân có số 1525, có trọng lượng 18kg (ký hiệu 25).

- 01 cục máy mô tơ điện đã qua sử dụng, có cánh quạt bằng nhựa màu đen, có trọng lượng 64kg (ký hiệu 26).

+ 01 xe mô tô biển số kiểm soát 59G1-435.92, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen – trắng, số khung RLCS5C640CY904249, số máy 5C64904256, tình trạng: đã qua sử dụng.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 59G1-435.92, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen-trắng, số khung: RLCS5C640CY904249, số máy: 5C64904256; Tình trạng: đã qua sử dụng.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 93H1-5168, màu đỏ, số khung: VPDBCH044PD005567, số máy: FMH300005567; Tình trạng: đã qua sử dụng.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 93R1-3943, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, số khung: RLCS5C640BY428271, số máy: 5C64428272; Tình trạng: không yếm chắn gió, đã qua sử dụng.

+ 01 xe gắn máy không nhãn hiệu, màu đỏ, biển kiểm soát 93EA-021.41, số khung: RL9GCBCUMMAG02170, số máy: FMB3C002170. Tình trạng: đã qua sử dụng.

+ 01 xe đạp điện màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 xe đạp điện màu xA, đã qua sử dụng.

+ 01 xe đạp điện màu đen-đỏ, đã qua sử dụng.

+ Số tiền 6.715.000 đồng.

Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nh toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố

Đại diện Viện Kiểm sát Quyết định thay đổi truy tố so với cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 23 tháng 10 năm 2024, thay đổi từ truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội

Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự sang truy tố bị cáo Nguyễn Thị H tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức hình phạt tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị xử lý vật chứng:

- Đối với 24 cục mô tơ và 02 bình ắc quy là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Công D. Căn cứ điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Công D theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 59G1-435.92, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen-trắng, số khung: RLCS5C640CY904249, số máy: 5C64904256. Đây là tài sản của bà Nguyễn Thị B. Bà B không biết việc M đã tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng và làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho bà Nguyễn Thị B theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 93H1-5168, màu đỏ, số khung: VPDBCH044PD005567, số máy: FMH300005567. Đây là tài sản của A Nguyễn ThA T. A T không biết việc L đã tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho A Nguyễn ThA T theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 93R1-3943, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, số khung: RLCS5C640BY428271, số máy: 5C64428272. Đây là tài sản của A Phương Văn N. A N không biết việc P đã tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng và làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho A Phương Văn N theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe gắn máy không nhãn hiệu, màu đỏ, biển kiểm soát 93EA-021.41, số khung: RL9GCBCUMMAG02170, số máy: FMB3C002170. Đây là tài sản của chị Nguyễn Thị ThA T, ngày 25/3/2024, chị T để xe máy ở nhà thì H đã tự ý lấy xe máy trên sử dụng và đã cùng bạn sử dụng xe gắn máy trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Công D. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho chị Nguyễn Thị ThA T theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe đạp điện màu đen, đã qua sử dụng. Đây là tài sản hợp pháp của chị L Thị T (Mẹ ruột của H L A Tuấn) mua vào năm 2022 để cho A Tuấn làm phương tiện đi học. Chị T không biết việc vào ngày 23/3/2024 đến ngày 25/3/2024, A Tuấn đã cùng bạn nhiều lần sử dụng xe đạp điện trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản

trong xưởng cửa gỗ của ông Nguyễn Công D. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho chị L Thị T theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe đạp điện màu xA, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của chị Đoàn Thị T (mẹ ruột của Phạm Hữu N) mua vào năm 2022 để cho N làm phương tiện đi học. Vào ngày 26/3/2024, N đã cùng bạn sử dụng xe đạp điện trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong xưởng cửa gỗ của ông Nguyễn Công D. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho chị Đoàn Thị T theo quy định nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- 01 xe đạp điện màu đen-đỏ, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của A Nguyễn Quốc H (bố ruột của Nguyễn Hữu Trí N) mua vào năm 2022 để cho N làm phương tiện đi học. Vào ngày 26/3/2024, N đã cùng bạn sử dụng xe đạp điện trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong xưởng cửa gỗ của ông Nguyễn Công D tại tổ 5, ấp Đồng Dầu, xã Minh D, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm b, khoản 3, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản nêu trên cho A Nguyễn Quốc H nên đề nghị không tiếp tục xử lý.

- Số tiền 6.715.000 đồng, trong đó: H L A Tuấn giao nộp số tiền 300.000 đồng, Vũ D M giao nộp số tiền 1.825.000 đồng, Nguyễn Phúc K giao nộp số tiền 630.000 đồng, Nguyễn Hải Đăng giao nộp số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Hải L giao nộp số tiền 100.000 đồng, Vũ Nhật A D giao nộp số tiền 50.000 đồng, Nguyễn Minh H giao nộp số tiền 810.000 đồng, Lê Ngọc Tuấn A giao nộp số tiền 2.060.000 đồng, Nguyễn Hữu Trí N giao nộp số tiền 50.000 đồng, Phạm Hữu N giao nộp số tiền 50.000 đồng, Phương Hoài P giao nộp số tiền 740.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có nên Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên đề nghị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử NH thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H thừa NH toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Từ ngày 23/3/2024 đến ngày 26/3/2024, bị cáo đã 12 lần có hành vi thu mua 24 mô tơ điện các loại, 02 bình ắc quy từ Vũ D M; Lê Ngọc Tuấn A; H L A Tuấn; Phạm Hữu N; Nguyễn Hải Đăng; Nguyễn Hữu Trí N; Nguyễn Minh H; Phương Hoài P. Khi mua các tài sản trên đến lần thứ 4 thì bị cáo đã biết tài sản do trộm cắp mà có tuy nhiên vì ham lợi nên bị cáo đã mua lại với mục đích sau đó sẽ bán kiếm lời.

[3] Xét lời khai nH tội của Bị cáo là phù hợp với lời khai của người Bị hại, người có quyền lợi N vụ L quan, phù hợp với Biên bản xác định hiện trường, Kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi thu mua để bán lại kiếm lời các tài sản mà bị cáo biết rõ là do người khác trộm cắp mà có với tổng giá trị là 9.830.196 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát thay đổi truy tố và đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Việc thay đổi truy tố tại phiên tòa là phù hợp, việc thay đổi truy tố không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, không vượt quá giới hạn của việc xét xử nên được chấp nH.

[5] Xét hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhA chóng mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, gây mất trật tự địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có khả năng nH thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện bị cáo là người chưa có ý thức tuân thủ pháp luật nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít N trọng; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm h, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là người không biết chữ nên việc nH thức về pháp luật cũng có phần bị hạn chế nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không áp dụng hình phạt tù bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02/VBHN-

TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao nên bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với hành vi của A Đinh Quang Cường và chị Nguyễn Thị Hồng là người mua 01 bình ắc quy và 06 kg sắt do Vũ D M, Lê Ngọc Tuấn A và Nguyễn Phúc K trộm cắp vào ngày 22/3/2024. Căn cứ kết quả điều tra xác định, khi mua các tài sản trên A Cường và chị Hồng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

- Đối với hành vi của A Ngô Tấn Đạt và A Lê Thế Ái: A Đạt đã mua lại của Nguyễn Thị H 02 cục mô tơ điện với giá 1.140.000 đồng và A Ái đã mua lại của Nguyễn Thị H 03 cục mô tơ điện với giá 2.000.000 đồng vào ngày 25/3/2024. Căn cứ kết quả điều tra xác định, khi mua các tài sản trên A Ngô Tấn Đạt và A Lê Thế Ái không biết đây là tài sản do trộm cắp nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

- Đối với Lê Ngọc Tuấn A, Nguyễn Phúc K, H L A Tuấn, Vũ Nhật A D, Nguyễn Hải Đăng, Phạm Hữu N: tính đến ngày thực hiện hành vi vi phạm thì Lê Ngọc Tuấn A, Nguyễn Phúc K, H L A Tuấn, Vũ Nhật A D, Nguyễn Hải Đăng, Phạm Hữu N chưa đủ 14 tuổi và là người chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính, do vậy không đề cập xử lý.

- Đối với Vũ D M, Phương Hoài P, Nguyễn Minh H, Nguyễn Hữu Trí N, Nguyễn Thị Ngọc Luyến (là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi), Nguyễn Hải L (là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi): căn cứ quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính Công an huyện Hớn Quản đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Hải L bằng hình thức phạt tiền, mức phạt là 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vũ D M, Phương Hoài P, Nguyễn Minh H, Nguyễn Hữu Trí N, Nguyễn Thị Ngọc Luyến, Nguyễn Hải L bằng hình thức cảnh cáo, về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Do vậy không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhả lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị xử lý vật chứng của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nh.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo là có căn cứ nên được chấp nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội dA: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hphạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng các điều 298, 306 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 3 Nghị quyết 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H hình phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách của án treo là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/12/2024)

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Minh D, huyện Hón Quản quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong thời gian thử thách, nếu Bị cáo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc Bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.626.000 đồng.

(Vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hón Quản theo Quyết định chuyển vật chứng số 71/QĐ-VKS ngày 22/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.)

Các vật chứng khác đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Hón Quản xử lý đúng quy định nên không tiếp tục xử lý.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi N vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hón Quản;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bộ pH HSNV CA Hón Quán;
- Chi cục THADS huyện Hón Quán;
- Ủy ban nhân dân xã An Khương, H. Hón Quán;
- Bị cáo, bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

HỒ VĂN THA